TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 525/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Vi T1, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Phước T, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Thanh T2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Phước T, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Vi T1 trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Trần Thị Vi T1 và ông Đỗ Thanh T2 tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/8/2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng không ai có thiện

chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T1 và ông T2 có 01 người con chung tên Đỗ Ngọc Thảo M1, sinh ngày 31/11/2018. Hiện tại, cháu M1 đang sống chung với bà T1. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho bà T1 được ly hôn với ông T2 thì bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M1, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi cháu M1.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn ông Đỗ Thanh T2 đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Tuy nhiên, bị đơn ông T2 cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với ông T2. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đỗ Thanh T2 có địa chỉ thường trú tại Ấp Phước T, xã Long H, huyện Bến L, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Đỗ Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Nguyên đơn bà Trần Thị Vi T1, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông T2.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T1 thấy rằng: Bà T1 và ông T2 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/8/2017 nên hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do bà T1 và ông T2 không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông T2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần

đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1, để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T2 cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện ông T2 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T2 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T1 và ông T2 có 01 người con chung tên Đỗ Ngọc Thảo M1, sinh ngày 31/01/2018. Hiện tại, cháu M1 đang sống chung với bà T1. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M1. Mặt khác, hiện nay cháu M1 chưa đủ 07 tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu M1 được phát triển khỏe mạnh về thể chất, được học tập, vui chơi bình thường như bao đứa trẻ khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu này của bà T1; giao cháu M1 cho bà T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi cháu M1 nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Vi T1 tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung đối với ông Đỗ Thanh T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Vi T1 được ly hôn với ông Đỗ Thanh T2.

2. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Trần Thị Vi T1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Ngọc Thảo M1, sinh ngày 31/01/2018. Ông Đỗ Thanh T2 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Vi T1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 00.10560 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, bà T1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Long H;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đình Đông